

Gói 23

GÓI KHÁM SỨC KHỎE ESUHAI DÀNH CHO NỮ

Số thứ tự gói khám: 23  
Tên gói khám: Khám sức khỏe ESUHAI dành cho nữ  
Mã gói KSK: KSK - ESUHAI - NỮ -23  
Đối tượng áp dụng:  
Khám sức khỏe du học Nhật ESUHAI dành cho nữ  
Mẫu giấy khám sức khỏe:  
- Mẫu GKSK - TT32 - 06, song ngữ Việt Anh  
- Mẫu giấy KSK của đối tác

Số Ảnh : 02 Ảnh 4x6 chụp trên nền trắng; chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày KSK; số lượng 01 tấm/01 giấy KSK

Giá trị sử dụng của giấy KSK: Giấy KSK có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận KSK.

Nội dung khám chi tiết

| STT | Nội dung khám                                                                                       | Đơn giá (VNĐ) | Ghi chú             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------|
| 1   | Khám thể lực: Chiều cao, cân nặng, BMI; Mạch, huyết áp, phân loại thể lực                           | 160,000       |                     |
| 2   | Khám Nội: Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh, tâm thần |               |                     |
| 3   | Khám Ngoại                                                                                          |               |                     |
| 4   | Khám Mắt                                                                                            |               |                     |
| 5   | Khám Răng hàm mặt                                                                                   |               |                     |
| 6   | Khám Tai mũi họng                                                                                   |               |                     |
| 7   | Khám Da liễu                                                                                        |               |                     |
| 8   | Nhóm máu ABO, RhD                                                                                   | 92,100        | x                   |
| 9   | Tổng phân tích tế bào máu                                                                           | 60,000        |                     |
| 10  | Đường huyết (Glucose)                                                                               | 25,000        |                     |
| 11  | SGOT                                                                                                | 25,000        |                     |
| 12  | SGPT                                                                                                | 25,000        |                     |
| 13  | GGT                                                                                                 | 25,000        |                     |
| 14  | Cholesterol toàn phần                                                                               | 30,000        |                     |
| 15  | HDL-Cholesterol                                                                                     | 30,000        |                     |
| 16  | LDL-Cholesterol                                                                                     | 0             | Tính theo công thức |
| 17  | Triglycerid máu                                                                                     | 30,000        |                     |
| 18  | HBsAg miễn dịch tự động                                                                             | 126,400       | x                   |
| 19  | Anti HCV test nhanh                                                                                 | 70,000        |                     |
| 20  | Anti HIV test nhanh                                                                                 | 95,000        |                     |
| 21  | Nước tiểu 10 thông số (máy)                                                                         | 40,000        |                     |
| 22  | Đo thính lực hoàn chỉnh                                                                             | 100,000       |                     |
| 23  | Sắc giác                                                                                            | 80,600        | x                   |
| 24  | Chụp Xquang phổi thẳng in phim                                                                      | 100,000       |                     |
| 25  | Siêu âm bụng tổng quát                                                                              | 80,000        |                     |
| 26  | Điện tâm đồ                                                                                         | 40,000        |                     |
|     | Test thử thai                                                                                       | 30,000        |                     |
|     | Tổng chi phí cho 1 người/ 1 lần khám                                                                | 1,264,100     |                     |

**Ghi chú:**  
- Đơn giá dịch vụ khám sức khỏe được điều chỉnh khi giá dịch vụ của TTYT thay đổi  
**Nơi nhận**  
- BGD TTYT  
- Các khoa phòng TTYT  
- BP Tiếp Nhận/ Tổ DVN ( Thực hiện và niêm yết cho KH)  
- Lưu Văn thư

**Visa**  
**TP Y vụ - QLCL-DVN:**  
**TK Khám bệnh:**

**Người thực hiện:**